

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GIWE VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI GIWE VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GIWE VIET NAM INVESTMENT TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: GIWE VN.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110216523

3. Ngày thành lập: 27/12/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 7 Tòa nhà Diamond Flower Tower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02473032468

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
6.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
7.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
8.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
9.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
10.	Bán mô tô, xe máy	4541
11.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
12.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ đấu giá)	4610
14.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Trừ động vật sống)	4620
15.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
16.	Bán buôn thực phẩm	4632
17.	Bán buôn đồ uống	4633
18.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

19.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
20.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
21.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
22.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
23.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
24.	Trồng cây lấy củ có chất bột (Không hoạt động tại trụ sở)	0113
25.	Trồng cây lấy sợi (Không hoạt động tại trụ sở)	0116
26.	Trồng cây có hạt chứa dầu (Không hoạt động tại trụ sở)	0117
27.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa (Không hoạt động tại trụ sở)	0118
28.	Trồng cây hàng năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0119
29.	Trồng cây ăn quả (Không hoạt động tại trụ sở)	0121
30.	Trồng cây lấy quả chứa dầu (Không hoạt động tại trụ sở)	0122
31.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0128
32.	Trồng cây lâu năm khác (Không hoạt động tại trụ sở)	0129
33.	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0131
34.	Nhân và chăm sóc cây giống lâu năm (Không hoạt động tại trụ sở)	0132
35.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	0210
36.	Khai thác gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0220
37.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0231
38.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ (Không hoạt động tại trụ sở)	0232
39.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp (Không hoạt động tại trụ sở)	0240
40.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
41.	Dịch vụ đóng gói	8292
42.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
43.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

44.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm kinh doanh karaoke, vũ trường)	9329
45.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
46.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
47.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khoẻ tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
48.	Lập trình máy vi tính	6201
49.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu (không bao gồm xử lý dữ liệu trong lĩnh vực viễn thông)	6311
50.	Cổng thông tin Không bao gồm hoạt động báo chí	6312
51.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
52.	Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán Chi tiết: Môi giới hợp đồng hàng hóa	6612
53.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
54.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn bất động sản; - Dịch vụ môi giới bất động sản; - Dịch vụ quản lý bất động sản; - Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản.	6820
55.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
56.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
57.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá)	7310
58.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Nghiên cứu thị trường	7320
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu - Tư vấn chuyển giao công nghệ	7490
60.	Cho thuê xe có động cơ	7710
61.	Bán buôn tổng hợp (Trừ các loại nhà nước cấm)	4690
62.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
63.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721

65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Chế biến và bảo quản rau quả (Không hoạt động tại trụ sở)	1030
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột (Không hoạt động tại trụ sở)	1062
69.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu (Không hoạt động tại trụ sở)	1079
70.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
71.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
72.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
73.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
74.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
75.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
76.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
77.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
78.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
79.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
80.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
81.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
82.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
83.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
84.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
85.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
86.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ đấu giá)	4791
87.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ đấu giá)	4799
88.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
89.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
90.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng đường thủy nội địa.	5022
91.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không Chi tiết: Hoạt động dịch vụ mặt đất	5223
93.	Bốc xếp hàng hóa	5224

94.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động của các bến, bãi ô tô, điểm bốc xếp hàng hóa; - Hoạt động quản lý đường bộ, cầu, đường hầm, bãi đỗ xe ô tô hoặc gara ô tô, bãi đỗ xe đạp, xe máy;	5225
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
96.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch;	5510
97.	Cơ sở lưu trú khác	5590
98.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
99.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
100.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
101.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ quán bar, vũ trường)	5630
102.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
103.	Đại lý du lịch	7911
104.	Điều hành tua du lịch	7912
105.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
106.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
107.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
108.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
109.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
110.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
111.	Xây dựng nhà để ở	4101
112.	Xây dựng nhà không để ở	4102
113.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
114.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
115.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
116.	Phá dỡ	4311
117.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
118.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
119.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
120.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
121.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759(Chính)

122.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773
------	---	------

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	TRẦN VĂN CƯỜNG	Xóm 10, Xã Yên Đồng, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.020.0 00	10.200.000.000	51,000	0360800087 53	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.020.0 00	10.200.000.000	51,000		
2	LÊ VĂN THÀNH	Thôn Đông Viên, Xã Đông Quang, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	380.000	3.800.000.000	19,000	0010770356 38	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	380.000	3.800.000.000	19,000		

3	VŨ ÁNH HỒNG	Thôn Hòa Bình, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	031094004351
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: VŨ ÁNH HỒNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 20/05/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 031094004351

Ngày cấp: 11/08/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Hòa Bình, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Hòa Bình, Xã Vinh Quang, Huyện Tiên Lãng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội